TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST
Ngày 14 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 132/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 74/2024/QĐXXST-KD ngày 26 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QQĐST-KDTM ngày 14/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH A; địa chỉ: đường số A, KCN Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994, địa chỉ liên lạc: đường số A, KCN Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV T1; địa chỉ: số A, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo pháp luật

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH A là bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là ALPHABET) và Công ty TNHH MTV T1 (sau đây viết tắt là Thiên Q1) đã có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau từ tháng 3/2023. Do mua hàng hóa với số lượng không lớn nên các bên không ký kết hợp đồng mua bán hàng. Về phương thức giao dịch giữa các bên như sau: Thiên Quang liên lạc qua zalo cho ALPHABET để đặt hàng, căn cứ và yêu cầu đặt hàng của Thiên Q1 thì ALPHABET sẽ gửi báo giá để Thiên Q1 xác nhận, sau khi xác nhận báo giá thì ALPHABET sẽ giao hàng cho Thiên Q1 tại địa chỉ A, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, khi giao hàng có biên bản giao nhận hàng hóa và xuất hóa đơn điện tử gửi email cho Thiên Q1. Thời gian đầu khi thực hiện hợp đồng mua bán thì Thiên Q1 thanh toán tiền trước cho ALPHABET ngay sau khi xác nhận đơn hàng, sau khi đã nhận được tiền thì ALPHABET giao hàng cho Thiên Q1. Tuy nhiên, đối với các hàng hóa của 04 lần giao hàng cuối cùng thì Thiên Q1 không thực hiện thanh toán như các bên đã thỏa thuận, do tin tưởng nên vẫn giao hàng cho Thiên Q1 mặc dù chưa nhận được tiền thanh toán tiền hàng của các lần thanh toán trước, tính đến nay Thiên Q1 còn nợ ALPHABET số tiền hàng là 25.788.300 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 14/04/2023 ALPHABET có gửi báo giá theo nhu cầu mua hàng của Thiên Q1 là số báo giá 2023.04.50.1163230 - 10kg bột sơn màu nâu ánh kim với tổng giá trị cho đơn hàng 1.500.000 đồng, tại xác nhận đơn hàng có thỏa thuận thanh toán 100% ngay khi nhận đơn đặt hàng. ALPHABET nhận lại được bản báo giá có ký xác nhận đặt hàng từ Thiên Quang nhưng không nhận được thanh toán. Ngày 17/04/2023 A giao hàng cho Thiên Q1 đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 78 ký hiệu 1C23TAA, ALPHABET gửi hóa đơn qua email cho Thiên Q1 cùng ngày.

Ngày 17/04/2023 A cũng nhận được nhu cầu đặt hàng cho báo giá số 2023.04.50.1169225 - 150kg bột màu đen mờ. Ngày 22/04/2023 ALPHABET giao hàng của nhu cầu báo giá số 2023.04.50.1169225 được 149kg với tổng giá trị 10.325.700 và Thiên Q1 cũng ký nhận trên biên bản giao hàng. Hóa đơn giá trị gia tăng được xuất số 81 ký hiệu 1C23TAA, ALPHABET gửi hóa đơn qua email cho Thiên Q1 cùng ngày.

Ngày 24/04/2023 ALPHABET gửi báo giá cho Thiên Q1 số 2023.04.50.1173587 - 25kg bột sơn màu trắng cát với tổng giá trị là 3.000.000, ALPHABET nhận được xác nhận đặt hàng thông qua tin nhắn Zalo. Ngày 26/04/2023 A giao hàng cho Thiên Q1 và có ký biên bản nhận hàng từ Thiên Quang, đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 88 ký hiệu 1C23TAA, ALPHABET gửi hóa đơn qua email cho Thiên Q1 cùng ngày.

Ngày 25/05/2023 ALPHABET có gửi báo giá cho Thiên Q1 số 2023.05.10.1204660 - 150kg bột sơn màu đen cát, ALPHABET nhận được xác nhận đặt thông qua tin nhắn Zalo.

Ngày 30/05/2023 ALPHABET giao hàng cho Thiên Quang của nhu cầu báo giá số 2023.05.10.1204660 được 151kg với tổng giá trị là 10.962.600 và có ký biên bản nhận hàng từ Thiên Quang đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 110 ký hiệu 1C23TAA, ALPHABETgửi hóa đơn qua email cho Thiên Q1 cùng ngày.

Thiên Quang không thực hiện việc trả tiền đúng theo thỏa thuận, ALPHABET đã nhiều lần liên lạc nhưng không được thanh toán nợ từ Thiên Q1. Ngày 15/08/2023

A có gửi bảng xác nhận công nợ cho 4 hóa đơn trên. Nhưng Thiên Q1 chỉ ký xác nhận 2 hóa đơn số 81 và số 110 là đang nợ, còn lại hóa đơn số 78 và 88 thì Thiên Q1 không ký bảng xác nhận công nợ dù trước đó Thiên Q1 có ký xác nhận đặt hàng và thông báo xuất hóa đơn cho cá nhân chị L.

Đối với 02 hóa đơn xuất tên bà L và không có ký công nợ thì nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nay ALPHABET khởi kiện yêu cầu Thiên Quang thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 21.288.300 đồng của Hóa đơn giá trị gia tăng số 81 ký hiệu 1C23TAA và hóa đơn giá trị gia tăng số 110 ký hiệu 1C23TAA, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T1:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH MTV T1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty TNHH MTV T1 không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình mua hàng hóa cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn Công ty TNHH A.

- Tại văn bản số 2569/ĐKKD ngày 04/12/2024 Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp thông tin: Công ty TNHH MTV T1, mã số doanh nghiệp C, đăng ký lần đầu ngày 18/07/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21/04/2020; địa chỉ trụ sở chính: số A, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật: ông Lương Văn Q. Tình trạng pháp lý: đang hoạt động (theo thông báo của cơ quan thuế tại Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ngày 27/3/2023, thục hiện quy trình liên thông giữa Cơ quan thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/02/2016). Hiện tại phòng Đăng ký kinh doanh chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng có thiếu theo 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 81 ký hiệu 1C23TAA và hóa đơn giá trị gia tăng số 110 ký hiệu 1C23TAA với tổng số tiền là 21.288.300 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Công ty TNHH A COATINGS khởi kiện bị đơn là Công ty TNHH MTV T1 có trụ sở tại số A, tổ B, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền mua hàng còn nợ nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã đươc triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 14/01/202 và ngày 14/02/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Về quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện: nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn thiếu của 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 81 ký hiệu 1C23TAA và hóa đơn giá trị gia tăng số 110 ký hiệu 1C23TAA với tổng số tiền là 21.288.300 đồng và không yêu cầu tính lãi đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét phạm vi trong yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Căn cứ email trao đổi, phiếu đặt hàng, phiếu nhận hàng, hóa đơn giá trị gia tăng có căn cứ xác định giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH MTV T1 đã có giao dịch mua bán hàng hóa, việc các bên tiến hành giao dịch mua bán hàng hóa là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên các bên phải thực hiện theo thỏa thuận giao dịch.

[2.2] Căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ số 20230815.04 ngày 15/8/2023 giữa Công ty TNHH A và Công ty TNHH MTV T1 ghi nhận đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2020 Công ty TNHH MTV T1 còn nợ bên Công ty TNHH A tổng số tiền là 21.288.300 đồng, Biên bản xác nhận công nợ có chữ ký và dấu của Công ty TNHH MTV T1 phù hợp với hóa đơn giá trị gia tăng số 81 ký hiệu 1C23TAA và hóa đơn giá trị gia tăng số 110 ký hiệu 1C23TAA, xác định tổng số tiền hàng Công ty TNHH MTV T1 đã mua của Công ty TNHH A với tổng số tiền là 21.288.300 đồng, đến nay bị đơn không thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 21.288.300 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV T1 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 96, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 của Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A đối với Công ty TNHH MTV T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH MTV T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 21.288.300 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T1 phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Trả lại cho Công ty TNHH A 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001969 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên